

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 23-02-2021
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Bún

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lý Thị M, sinh năm 1963 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963. Cùng nơi cư trú: Ấp X, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Có mặt.

-Bị đơn: Bà Lâm Thị Kim H, sinh năm 1979 và ông Lê Tấn Th, sinh năm 1971. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: Ấp Y, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Vắng mặt.

-Người làm chứng: Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp Z, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà M trình bày:

Vào ngày 16/4/2019 (dương lịch) bà H, ông Th có vay của vợ chồng ông, bà số tiền 150.000.000 đồng. Bà H, ông Th hẹn cuối tháng 8/2019 (dương lịch)

sẽ trả 75.000.000 đồng tiền gốc, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng trên số nợ gốc 150.000.000 đồng từ khi vay cho đến cuối tháng 8/2019. Số tiền 75.000.000 đồng còn lại bà H, ông Th hẹn đến tháng 12/2019 (dương lịch) sẽ trả gốc 75.000.000 đồng và tính lãi là 2%/tháng, bắt đầu tính lãi từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2019. Nhưng đến nay bà H, ông Th không trả cho ông, bà số tiền nào.

Trong quá trình giao dịch có ông Nguyễn Phú H, cư ngụ ấp Z, xã V, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An chứng kiến và viết dùm giấy biên nhận. Bà H, ông Th có ký tên trong biên nhận nợ, ông H ký tên người làm chứng trong giấy biên nhận nợ.

Bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Tấn Th và bà Lâm Thị Kim H trả số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và 25.500.000 đồng tiền lãi (mức lãi suất là 1%/tháng, tính lãi từ ngày 16/4/2019 đến ngày 03/9/2020).

Ông Nguyễn Văn T thống nhất toàn bộ ý kiến và yêu cầu của bà M.

Ông Nguyễn Phú H trình bày tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau: Ông H không có quan hệ họ hàng gì với các bên đương sự. Ngày ông H ký tên chứng kiến việc bà H, ông Th vay tiền của ông T, bà M là ông làm phó ấp Z, xã V. Lúc đó ông sang nhà bà H, ông Th chơi thì thấy bà H, ông Th với bà M, ông T thỏa thuận việc vay 150.000.000 đồng, hai bên có giao nhận tiền và ông đã viết giùm giấy mượn tiền, đồng thời ký tên người làm chứng trong biên nhận này. Ngày 16/4/2019 trong biên nhận là tính theo ngày dương lịch. Sau này, bà H, ông Th có trả tiền cho bà M, ông T hay chưa thì ông không biết. Sau khi xem “Giấy mượn tiền” ngày 16/4/2019 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thì ông H xác nhận biên nhận này đúng là do ông viết.

Tại phiên tòa, bà M và ông T yêu cầu bà H, ông Th trả cho ông bà 150.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1%/tháng (từ ngày 16/4/2019 đến ngày 23/02/2021 là 22 tháng 7 ngày). Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu lãi chậm trả giai đoạn thi hành án mức 1%/tháng.

Bị đơn bà Lâm Thị Kim H và ông Lê Tấn Th vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị M và ông Nguyễn Văn T về việc buộc bà Lâm Thị Kim H và ông Lê Tấn Th trả nợ vay còn thiếu 150.000.000 đồng: Xét thấy, bà Lâm Thị Kim H và ông Lê Tấn Th mặc dù Tòa

án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà H, ông Th cố tình vắng mặt không lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như bà H, ông Th không thể hiện ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích cho ông bà trong vụ việc bà M, ông T khởi kiện. Vì vậy, căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự để giải quyết vụ án, theo đó căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện tại “giấy mượn tiền” đề ngày 16/4/2019 (Dương lịch) mà bà M, ông T cung cấp, trong giấy thể hiện nội dung bà H, ông Th có mượn tiền bà M, ông T 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất cụ thể như: vào cuối tháng 8/2019 (dương lịch) bà H, ông Th sẽ trả 75.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất 1%/tháng trên số nợ gốc 150.000.000 đồng từ khi vay cho đến cuối tháng 8/2019. Số tiền còn lại là 75.000.000 đồng, hẹn đến tháng 12/2019 (dương lịch) sẽ trả và tính lãi là 2%/tháng, bắt đầu tính lãi từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2019 trên số nợ gốc là 75.000.000 đồng. Mặt khác, căn cứ theo lời trình bày của người làm chứng ông Nguyễn Phú H cho rằng ông có chứng kiến việc bà H, ông Th ký vào “Giấy mượn tiền” đề ngày 16/4/2019 (Dương lịch) do bà M, ông T cung cấp, ông cũng thừa nhận giấy biên nhận đó do ông viết giùm và ông có ký tên vào biên nhận với tư cách là người làm chứng việc cho vay giữa hai bên. Ngoài ra, căn cứ vào giấy đề “Đơn đồng ý cho khởi kiện” ngày 25/6/2019 (BL 39) do bà M, ông T cung cấp thể hiện nội dung ông Th, bà H có thừa nhận vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng và thời gian trả nợ là tháng 8/2019. Do đó, có cơ sở xác định ông Th, bà H có vay số tiền 150.000.000 đồng của bà M, ông T.

Về phần lãi suất: Căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 xét thấy yêu cầu lãi suất của bà M, ông T là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị chấp nhận.

Từ phân tích trên căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Các Điều 463, 466, 468 BLDS 2015, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lý Thị M và ông Nguyễn Văn T, buộc bà Lâm Thị Kim H và ông Lê Tấn Th trả 150.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi với mức 1%/tháng, tính lãi từ ngày 16/4/2019 (dương lịch) đến khi thi hành án xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn ông Lê Tấn Th và bà Lâm Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai và có đơn xin vắng mặt nên căn cứ quy định tại các điều 227, 228 và 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Phía bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu của nguyên đơn mặc dù Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, thấy rằng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền vay 150.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày vay đến ngày làm đơn khởi kiện là ngày 03/9/2020, sau đó yêu cầu tính tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm cũng như lãi suất chậm trả giai đoạn thi hành án với mức lãi suất 1%/tháng. Xét thấy, nguyên đơn cung cấp được chứng cứ là “Giấy mượn tiền” ngày 16/4/2019 có chữ ký của bà H, ông Th và người làm chứng là ông Nguyễn Phú H có nội dung: “Hôm nay lúc 9h45 ngày 16.4.2019 gồm bà Lý Thị M, Nguyễn Văn T – Đại diện bên A; Bà Lâm Thị Kim H, ông Lê Tấn Th – Đại diện bên B. Sau thỏa thuận thống nhất bên A cho bên B mượn 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) theo lãi thỏa thuận 1% và bên B hứa trả vào cuối tháng 8 là 75.000.000đ + lãi. Sau đó đến tháng 12 là dứt nợ nếu thiếu lại là lãi suất là 2%, nếu ai sai phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”. Đồng thời, lời khai của ông Nguyễn Phú H tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng đã xác nhận việc ông H có chứng kiến việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền và ông H là người viết giùm “Giấy mượn tiền” nêu trên nên nguyên đơn bà M, ông T yêu cầu bà H ông Th trả số tiền vay và tiền lãi theo mức lãi suất 1% là phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 468 và 357 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau: Tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1%/tháng (từ ngày 16/4/2019 đến ngày 23/02/2021 là 22 tháng 7 ngày) tính trên 150.000.000 đồng tiền vay gốc.

$150.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 22 \text{ tháng} = 33.000.000 \text{ đồng}.$

Lãi suất 1 ngày là $[150.000.000 \text{ đồng} \times 1\%] : 30 \text{ ngày} = 50.000 \text{ đồng}.$

7 ngày tiền lãi là: $7 \times 50.000 \text{ đồng} = 350.000 \text{ đồng}$

Tổng tiền lãi là: $33.000.000 \text{ đồng} + 350.000 \text{ đồng} = 33.350.000 \text{ đồng}.$

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn; Đồng thời, nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lý Thị M và ông Nguyễn Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Lê Tấn Th và bà Lâm Thị Kim H.

Buộc ông Lê Tấn Th và bà Lâm Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho bà Lý Thị M và ông Nguyễn Văn T số tiền 183.350.000 đồng (một trăm tám mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Trong đó 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng vốn vay và 33.350.000 (ba mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lãi.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 1%/tháng được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Buộc ông Lê Tấn Th và bà Lâm Thị Kim H phải chịu 9.167.500 (chín triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

3.2. Hoàn trả cho bà Lý Thị M và ông Nguyễn Văn T 4.388.000 (bốn triệu ba trăm tám mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0002674 ngày 02/10/2020.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

Huỳnh Thị Yến Linh